

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 01/2021
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 19h30 * Ngày thi: 14/01/2021

Ghi chú:

- Các học viên có kết quả không đạt phải theo dõi lịch thi của các đợt tiếp theo, đọc thông báo hướng dẫn và đăng ký thi lại, học viên không đạt phần thi nào thì đăng ký thi lại phần thi đó, số lần thi lại không vượt quá 3 lần thi.
- Các học viên không đạt phần Cơ bản vẫn được học tiếp phần nâng cao, nhưng trước khi thi phần nâng, học viên phải thi đạt phần thi Cơ bản mới được thi phần Nâng cao. Các học viên chưa được thi phần nâng cao, khi đăng ký thi ghép phần nâng cao thì học viên không phải nộp lệ phí thi.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	24202108600	Bùi Thị Quỳnh	An	31/08/2000	Quảng Ngãi	26THT7	5.3	5.5	Đạt	
2	24207115307	Nguyễn Thúy	An	23/10/2000	Đà Nẵng	26TBN7	6.3	5.5	Đạt	
3	2220522793	Bùi Thị Hoàn	Ân	27/04/1997	Đà Nẵng	26TBN7	5.3	7.9	Đạt	
4	2220522995	Bùi Thị Thiên	Ân	06/03/1998	Quảng Nam	26THT7	7.7	9.4	Đạt	
5	2320712495	Dương Ngọc Tố	Anh	25/08/1999	Đà Nẵng	26TBN4	6.7	8.5	Đạt	
6	24265203015	Lê Hồ Lan	Anh	29/07/1994	Đắk Lắk	26CHT1	6.0	6.4	Đạt	
7	2321716972	Lê Phước Nhật	Anh	18/05/1999	Đà Nẵng	26TBN6	4.7	6.0	Không Đạt	
8	2320529168	Lê Thị Phương	Anh	12/12/1999	Hà Tĩnh	26TBN6	6.7	4.5	Không Đạt	
9	2321714777	Nguyễn Quốc	Anh	11/03/1999	Đà Nẵng	26CYC2	4.7	5.9	Không Đạt	
10	24203215734	Phạm Lê Nam	Anh	09/04/2000	Đà Nẵng	26TBN7	5.7	8.0	Đạt	
11	2320520268	Trần Đặng Quỳnh	Anh	31/12/1999	Bình Định	26TBN6	6.7	7.5	Đạt	
12	2320528950	Trần Thị Lan	Anh	05/09/1999	DakLak	26CYC2	9.3	7.8	Đạt	
13	2320324645	Lê Hằng Nguyệt	Ánh	25/09/1999	Đà Nẵng	26TBN4	8.0	6.5	Đạt	
14	2320716597	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/07/1999	TT Huế	26TBN5	9.0	6.5	Đạt	
15	23265212646	Nguyễn Thị Hà	Bắc	04/02/1974	Bắc Giang	26THT1	5.7	4.0	Không Đạt	
16	2320717240	Huỳnh Lê Bích	Bảo	05/10/1999	Đà Nẵng	26TBN6	5.3	6.5	Đạt	
17	24207115179	Đặng Thị	Bích	22/07/2000	Đà Nẵng	26TBN7	5.0	6.0	Đạt	
18	2220522871	Dương Thái	Bình	01/01/1998	Quảng Nam	26THT7	7.3	5.0	Đạt	
19	2321520513	Nguyễn Văn	Cảnh	30/01/1999	Quảng Nam	26TBN5	8.7	7.0	Đạt	
20	24208608237	Nguyễn Thị Hồng	Đào	22/04/2000	Quảng Ngãi	26TBN6	5.7	6.0	Đạt	
21	2321712241	Lê Đức	Đạt	17/06/1998	Gia Lai	26THT5	6.0	6.0	Đạt	
22	23205210174	Huỳnh Thị	Dung	30/07/1999	Đà Nẵng	26THT7	9.0	7.5	Đạt	
23	2326521141	Nguyễn Thị Kim	Dung	29/11/1994	Đà Nẵng	26CSC1	6.3	4.0	Không Đạt	
24	2320341307	Nguyễn Thị Thanh	Dung	15/05/1999	Đà Nẵng	26TBN4	8.0	4.5	Không Đạt	
25	24207107269	Trần Thị Xuân	Dung	20/04/2000	Đà Nẵng	26CYC2	7.3	9.4	Đạt	
26	2321717328	Ngô Việt	Dũng	16/06/1999	Quảng Nam	26TBN4	5.7	6.5	Đạt	
27	24217103678	Nguyễn Tấn	Dũng	30/08/2000	Đà Nẵng	26TBN5	9.0	7.5	Đạt	
28	23202110588	Đinh Thị Hương	Duyên	19/05/1999	Quảng Ngãi	26THT7	8.0	9.0	Đạt	
29	2320716995	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	19/01/1999	Quảng Ngãi	26CYC2	6.7	7.0	Đạt	
30	24205403639	Phan Thị Mỹ	Duyên	25/12/2000	Phú Yên	26TBN7	6.0	8.9	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
31	24207116698	Đỗ Hương	Giang	04/12/2000	Đà Nẵng	26THT7	8.0	8.5	Đạt	
32	2320523843	Hoàng Thị Cẩm	Giang	10/03/1999	Đà Nẵng	26TBN6	5.7	4.0	Không Đạt	
33	2320519465	Lê Thị Quỳnh	Giang	10/01/1999	Kon Tum	26TBN6	5.3	7.5	Đạt	
34	2320710506	Nguyễn Hữu Ngọc	Hải	21/03/1999	Kon Tum	26TYC3	7.3	7.0	Đạt	
35	24207209681	Bùi Thị Ngọc	Hân	22/12/2000	Quảng Ngãi	26TBN5	7.7	7.5	Đạt	
36	24207101508	Phạm Thị Ngọc	Hân	10/04/2000	Phú Yên	26THT7	6.0	6.0	Đạt	
37	24207108505	Trần Thị Thu	Hân	19/07/2000	Đà Nẵng	26THT7	8.0	9.0	Đạt	
38	2320714391	Trương Gia	Hân	12/02/1999	Bình Định	26TBN6	6.3	7.5	Đạt	
39	24205107019	Hứa Thị Thúy	Hằng	16/05/2000	Quảng Nam	26CYC2	5.3	5.0	Đạt	
40	24203101952	Ngô Thị Mỹ	Hằng	07/10/2000	Quảng Nam	26CYC2	4.0	2.8	Không Đạt	
41	23203510132	Trần Thị Thanh	Hằng	13/05/1999	Quảng Nam	26TBN5	6.7	4.5	Không Đạt	
42	2320320487	Nguyễn Thị Ngọc	Hào	03/02/1999	Quảng Ngãi	26TBN7	6.3	5.5	Đạt	
43	2320216123	Võ Thị Như	Hào	07/06/1999	Quảng Ngãi	26THT7	7.7	5.0	Đạt	
44	2220522861	Bùi Thị Thu	Hiền	23/12/1998	Quảng Ngãi	26CYC2	4.3	3.5	Không Đạt	
45	2320262835	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/11/1998	Gia Lai	ITA.91A	6.0	3.5	Không Đạt	
46	2220522779	Nguyễn Vũ Thu	Hiền	07/09/1998	DakLak	26THT7	9.0	7.0	Đạt	
47	2320712856	Trần Thị Minh	Hiền	30/06/1999	Quảng Nam	26TBN5	7.7	5.0	Đạt	
48	24202500260	Trịnh Thị	Hiền	11/05/2000	Hà Tĩnh	26TBN5	9.0	8.4	Đạt	
49	2320520274	Trương Diệu	Hiền	09/09/1999	Bình Định	26TBN6	6.0	6.5	Đạt	
50	2320521619	Văn Thị Thu	Hiền	21/01/1999	Quảng Nam	26TBN5	7.3	8.4	Đạt	
51	24215203767	Nguyễn Lê Trọng	Hiệp	20/01/2000	Phú Yên	26TBN7	5.7	7.5	Đạt	
52	24203109852	Trần Ngọc	Hiệp	02/02/2000	Quảng Nam	26THT7	7.0	5.0	Đạt	
53	2220522791	Nguyễn Thị	Hoa	26/10/1998	DakLak	26CYC2	6.7	2.5	Không Đạt	
54	2321716956	Phạm	Hoà	06/03/1999	Đà Nẵng	26CYC2	4.7	5.8	Không Đạt	
55	2321231470	Đoàn Minh	Hoàng	08/06/1999	Đà Nẵng	26CYC2	3.3	5.5	Không Đạt	
56	2321655361	Nguyễn Minh	Hoàng	27/07/1996	Quảng Ngãi	26TBN5	7.0	6.5	Đạt	
57	2321615103	Trần Việt	Hoàng	09/03/1999	Quảng Nam	26TBN7	6.3	7.5	Đạt	
58	24217116457	Nguyễn Hữu	Hùng	20/06/1996	Quảng Bình	26TBN5	8.0	9.0	Đạt	
59	2221865935	Nguyễn Văn	Hung	20/10/1998	Đăk Nông	26THT7	0.0	0.0	Không Đạt	
60	23203211608	Nguyễn Việt	Hung	02/08/1999	Quảng Nam	26THT7	0.0	0.0	Không Đạt	
61	2320528953	Dương Thị Mai	Hương	27/10/1999	Quảng Nam	26TBN6	8.0	7.0	Đạt	
62	2320717300	Nguyễn Thị	Hương	25/07/1999	Đà Nẵng	26TYC5	4.3	7.0	Không Đạt	
63	2320529692	Phan Thị Thanh	Hương	30/06/1999	Kon Tum	26TBN6	6.7	7.5	Đạt	
64	2220523172	Trần Ngân	Hương	15/11/1998	DakLak	ITA.67B	6.3	6.5	Đạt	
65	2321714003	Đỗ Anh	Huy	12/07/1999	Đà Nẵng	26TBN6	5.3	5.5	Đạt	
66	2321310929	Nguyễn Tấn	Huy	13/05/1999	Đà Nẵng	26CYC2	6.7	6.5	Đạt	
67	2321659615	Việt Lê	Huy	09/07/1999	Quảng Ngãi	26TBN5	4.0	6.5	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	24205102933	Đỗ Thị Diệu	Huyền	22/10/2000	Phú Yên	26CYC2	5.7	6.0	Đạt	
69	2320529691	Nguyễn Thanh	Huyền	20/03/1999	DakLak	26TBN6	6.0	6.0	Đạt	
70	2220523228	Thùy Thị Ngọc	Huyền	09/06/1997	Quảng Nam	26THT7	8.3	8.4	Đạt	
71	2320723136	Trần Nhân	Huyền	13/12/1999	Quảng Trị	26THT5	7.7	5.5	Đạt	
72	2220522842	Võ Thị Ngọc	Huyền	16/02/1998	Quảng Trị	ITA.67B	5.3	6.5	Đạt	
73	23265212659	Trần Thị Lệ	Huynh	09/06/1989	Quảng Nam	26THT1	4.0	6.5	Không Đạt	
74	2320315628	Trương Bảo	Khánh	29/01/1999	Quảng Nam	26TBN5	5.0	3.0	Không Đạt	
75	2320529068	Đinh Thị Yến	Khoa	11/10/1999	Quảng Ngãi	26CYC2	5.7	5.5	Đạt	
76	2321711258	Nguyễn Đăng	Khoa	20/12/1999	Đà Nẵng	26CYC2	6.7	8.4	Đạt	
77	2321216046	Trần Văn	Khoa	10/09/1999	Quảng Nam	ITA.63B	5.0	6.5	Đạt	
78	24207116167	Ngô Nguyễn Hoàng	Lam	19/12/2000	Đà Nẵng	26TBN7	6.7	6.0	Đạt	
79	2321221639	Trương Đăng Đình	Lâm	06/01/1999	Khánh Hòa	26THT3	5.3	5.5	Đạt	
80	23203410528	Dương Thị Mỹ	Lệ	08/07/1999	Quảng Nam	ITA.65B	5.7	5.5	Đạt	
81	2120524639	Hoàng Thị Nhật	Lệ	24/02/1997	Hà Tĩnh	ITA.57A	7.0	5.5	Đạt	
82	24208607508	Phan Thị Mỹ	Lệ	26/06/2000	Quảng Bình	26TBN7	6.0	5.5	Đạt	
83	24202805233	Trần Nữ Nhật	Lệ	02/08/2000	Quảng Trị	26TBN7	3.0	6.0	Không Đạt	
84	2320524744	Đoàn Kiều	Linh	15/09/1999	Quảng Bình	26TBN6	5.3	7.4	Đạt	
85	2320714420	Hà Kiều	Linh	04/07/1999	Quảng Nam	26TBN5	2.7	1.0	Không Đạt	
86	2320315781	Lê Khánh	Linh	15/02/1999	Quảng Ngãi	26THT5	5.3	5.4	Đạt	
87	23203110274	Lương Thảo	Linh	13/01/1999	Đà Nẵng	26THT5	6.7	6.0	Đạt	
88	2326521173	Nguyễn Thị Kiều	Linh	05/05/1995	Quảng Trị	26CHT2	3.7	6.4	Không Đạt	
89	2326521175	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/11/1995	Kon Tum	26CSC1	6.0	4.0	Không Đạt	
90	2320324651	Trần Thị Ngọc	Linh	26/06/1999	Quảng Nam	26TBN7	6.7	6.0	Đạt	
91	2320512085	Trương Thị Khánh	Linh	31/08/1998	Quảng Trị	26SYC1	8.0	5.0	Đạt	
92	2320279982	Vũ Thị Thùy	Linh	18/02/1999	Lâm Đồng	26TBN7	0.0	0.0	Không Đạt	
93	2321216146	Ngô Nhật Bảo	Long	04/04/1999	Quảng Nam	26CYC2	6.7	8.4	Đạt	
94	2320315639	Lâm Thị Yến	Ly	27/11/1999	Quảng Nam	26THT7	7.7	6.5	Đạt	
95	2320717132	Nguyễn Kim Hồng	Ly	24/05/1999	Đà Nẵng	26TBN6	6.0	6.5	Đạt	
96	2320860586	Nguyễn Thị Hương	Ly	25/08/1999	Gia Lai	26CYC2	4.3	6.0	Không Đạt	
97	23203110402	Nguyễn Thị Yến	Ly	09/10/1999	Quảng Nam	26TBN5	4.7	5.8	Không Đạt	
98	2320713096	Phạm Thị Hương	Ly	05/07/1999	TT Huế	26TBN4	7.3	9.4	Đạt	
99	2320359997	Hồ Thanh	Mai	26/08/1999	Đà Nẵng	26TBN6	5.0	3.5	Không Đạt	
100	2220522810	Lê Thị Tuyết	Mai	31/07/1998	Quảng Nam	26THT7	5.7	4.0	Không Đạt	
101	24217100578	Lương Ngọc	Minh	22/06/2000	Đắk Lắk	26TBN5	6.7	7.5	Đạt	
102	23217111118	Nguyễn	Minh	04/09/1999	Đà Nẵng	26CYC2	3.3	5.0	Không Đạt	
103	24202111446	Hồ Thị Khánh	My	30/10/2000	Lâm Đồng	26TBN7	6.7	6.0	Đạt	
104	2320723140	Nguyễn Thị Hoàng	Mỹ	04/12/1999	Đà Nẵng	26CYC2	6.3	3.8	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
105	2320529055	Vũ Ngọc Quỳnh	Nga	31/10/1999	DakLak	26TBN5	5.0	6.5	Đạt	
106	24205211611	Lương Vũ Thanh	Ngân	02/04/2000	Đà Nẵng	26TBN7	8.0	8.5	Đạt	
107	24202516341	Nguyễn Thị	Ngân	12/06/2000	Quảng Nam	26TBN7	3.7	5.5	Không Đạt	
108	24202615760	Trần Thị Thảo	Ngân	28/11/2000	Quảng Bình	26TBN5	7.3	9.4	Đạt	
109	2320529093	Nguyễn Thị Hồng	Nghĩa	08/02/1999	Gia Lai	26TBN6	8.0	7.5	Đạt	
110	2320715485	Lê Trần Bảo	Ngọc	15/12/1999	Đà Nẵng	26TBN6	6.0	5.5	Đạt	
111	2220522773	Lý Minh Bảo	Ngọc	24/07/1998	DakLak	26THT7	9.0	8.4	Đạt	
112	23208612009	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	28/03/1999	Quảng Bình	26TYC3	3.3	5.0	Không Đạt	
113	2320714778	Trần Hồng	Ngọc	17/11/1999	Đà Nẵng	26TBN5	8.7	8.9	Đạt	
114	2320714872	Lê Trần Thảo	Nguyên	11/09/1999	Đà Nẵng	26TBN5	6.7	8.5	Đạt	
115	2220523049	Phan Thị Thảo	Nguyên	24/02/1998	Quảng Nam	ITA.66B	7.7	6.0	Đạt	
116	2320320341	Phan Thị Oanh	Nguyệt	19/02/1999	Quảng Nam	26TBN5	8.0	7.0	Đạt	
117	2320714854	Võ Minh	Nhã	18/09/1999	Đà Nẵng	26THT6	6.0	3.5	Không Đạt	
118	2320714874	Trần Thị Thanh	Nhân	08/10/1999	Đà Nẵng	26TBN6	6.0	3.5	Không Đạt	
119	23213111829	Tô Ngọc	Nhân	18/08/1999	Hồ Chí Minh	26TBN5	4.0	3.0	Không Đạt	
120	23205211917	Đặng Thị Yên	Nhi	20/12/1999	Bình Định	26THT7	7.7	9.0	Đạt	
121	24203505503	Hà Thị Anh	Nhi	12/01/2000	Quảng Nam	26CYC2	6.3	6.0	Đạt	
122	2320714529	Hà Yên	Nhi	04/11/1999	Đà Nẵng	26CYC2	6.3	9.9	Đạt	
123	24202715585	Nguyễn Hoàng Hoài	Nhi	20/01/2000	Bình Định	26THT7	5.3	4.5	Không Đạt	
124	2320529596	Nguyễn Trần Tuyết	Nhi	11/04/1999	Đà Nẵng	26TBN6	6.3	4.5	Không Đạt	
125	23202112017	Nguyễn Yên	Nhi	01/07/1999	Quảng Nam	26TBN7	7.7	5.5	Đạt	
126	24203112012	Nguyễn Yên	Nhi	14/10/2000	Đà Nẵng	26TBN7	6.3	6.0	Đạt	
127	2320529094	Võ Thị Ngọc	Nhi	17/10/1999	Quảng Nam	26CYC2	7.3	6.8	Đạt	
128	2321242204	Nguyễn Bá	Nho	01/11/1998	Quảng Nam	26THT7	5.7	3.8	Không Đạt	
129	2320524746	Đoàn Thị Quỳnh	Như	12/07/1999	Quảng Ngãi	26CYC2	6.3	7.0	Đạt	
130	23207111623	Lê Thị Hoàng	Như	27/02/1999	Đà Nẵng	26THT6	4.7	2.5	Không Đạt	
131	2320341274	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	11/09/1999	Đà Nẵng	26TBN7	6.0	5.0	Đạt	
132	2220522988	Nguyễn Tú	Oanh	11/05/1998	DakLak	26TBN7	6.0	6.0	Đạt	
133	2320722673	Võ Thị	Oanh	24/06/1999	Quảng Nam	26TBN4	5.0	6.5	Đạt	
134	2220529079	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	26/04/1998	Đà Nẵng	26THT7	9.0	8.4	Đạt	
135	2320315867	Nguyễn Thị Lương	Phúc	12/07/1999	Đà Nẵng	26TBN6	6.3	2.5	Không Đạt	
136	2321719899	Phạm Phú	Phước	13/08/1999	Đà Nẵng	26TBN5	5.7	7.9	Đạt	
137	24208600408	Huỳnh Thị Mai	Phương	03/04/2000	Đắk Lắk	26TBN7	6.7	6.5	Đạt	
138	2320714859	Lê Nguyễn Hoài	Phương	11/09/1999	Đà Nẵng	26THT6	2.0	3.5	Không Đạt	
139	2320519391	Nguyễn Thị Hoàng	Quý	04/06/1999	Gia Lai	26TBN6	7.7	6.5	Đạt	
140	24207212742	Lê Thuý	Quyên	26/11/2000	Đà Nẵng	26TBN6	7.0	6.0	Đạt	
141	24205104417	Dương Thị Như	Quỳnh	25/10/2000	Thanh Hoá	26THT7	5.3	8.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
142	24203112656	Lưu Diễm	Quỳnh	25/10/2000	Đắk Lắk	26THT7	5.7	4.0	Không Đạt	
143	2320377841	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	25/11/1999	Gia Lai	26CYC2	6.7	8.0	Đạt	
144	24205100551	Phạm Thị Ngọc	Quỳnh	14/11/2000	Quảng Ngãi	26THT7	7.3	8.5	Đạt	
145	2320523873	Trà Như	Quỳnh	09/09/1999	Quảng Nam	26CYC2	0.0	0.0	Không Đạt	
146	2321523874	Mai Quang	Sâm	07/03/1999	Quảng Ngãi	26TBN6	7.0	5.5	Đạt	
147	2320222189	Nguyễn Thị Thu	Sang	06/11/1999	Bình Định	ITA.91A	5.0	5.5	Đạt	
148	2321529042	Trương Thanh	Sang	08/11/1999	Gia Lai	26CYC2	6.3	8.9	Đạt	
149	2326521196	Nguyễn Thị	Sương	20/09/1992	Quảng Nam	26TBN1	5.3	4.0	Không Đạt	
150	2320523875	Trần Thị Thu	Sương	04/07/1999	Quảng Nam	26TBN5	5.3	6.5	Đạt	
151	23207110331	Trần Thị Thúy	Sương	11/10/1999	Đà Nẵng	26TBN6	6.7	3.5	Không Đạt	
152	2321629766	Phạm Hữu	Tài	21/12/1999	Khánh Hòa	26TBN5	6.3	9.5	Đạt	
153	24217102680	Trịnh Thái	Tài	22/04/2000	Bình Định	26TBN7	8.3	6.0	Đạt	
154	2321633816	Trương Văn	Tài	19/06/1999	Quảng Nam	26TBN5	5.7	7.5	Đạt	
155	23202411650	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	09/06/1999	Đà Nẵng	26TBN7	8.3	8.0	Đạt	
156	24207106373	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	06/09/2000	Quảng Nam	26TBN7	8.0	7.5	Đạt	
157	23203510473	Trần Thị Thu	Tâm	16/09/1999	Quảng Nam	26CYC2	5.3	8.5	Đạt	
158	24275203043	Nguyễn Bá	Tân	09/03/1995	Quảng Nam	26CHT1	6.3	5.0	Đạt	
159	2321211233	Đặng Gia	Tạo	11/09/1999	Quảng Ngãi	ITA.86A	8.0	6.5	Đạt	
160	2321158364	Phùng Văn	Thái	18/12/1999	Bình Định	26TBN5	7.7	8.5	Đạt	
161	2220664954	Đặng Thị	Thảo	06/12/1998	Bình Định	26TBN6	5.7	5.0	Đạt	
162	23205210343	Lê Phùng Thanh	Thảo	05/03/1999	Quảng Nam	26TBN6	6.7	8.5	Đạt	
163	2320216144	Lê Phương	Thảo	10/12/1999	Phú Yên	26TBN6	4.3	5.5	Không Đạt	
164	24212108153	Nguyễn Thanh	Thìn	13/11/2000	Quảng Nam	26THT3	6.3	5.8	Đạt	
165	24217213185	Đoàn Công	Thịnh	19/11/2000	Quảng Nam	26TBN5	6.0	8.5	Đạt	
166	2321520518	Lê Trường	Thịnh	20/12/1999	Đà Nẵng	26TBN7	6.0	5.5	Đạt	
167	24202706276	Lê Hoài	Thu	10/11/2000	Quảng Trị	26THT7	5.0	8.0	Đạt	
168	232071103923	Huỳnh Thị Phương	Thư	02/07/1999	Đà Nẵng	26TYC5	3.3	5.0	Không Đạt	
169	2320529690	Nguyễn Thị Anh	Thư	08/08/1999	Quảng Nam	26TBN6	6.3	8.0	Đạt	
170	2320713297	Nguyễn Thị Anh	Thư	15/09/1999	Đà Nẵng	26THT5	5.0	4.0	Không Đạt	
171	23218611355	Lê Văn	Thuận	06/02/1999	Quảng Trị	26TBN5	3.3	8.0	Không Đạt	
172	2320529237	Bùi Phạm Thương	Thương	30/09/1999	DakLak	26CYC2	4.7	6.5	Không Đạt	
173	2220719009	Hoàng Thị Hoài	Thương	07/01/1998	Quảng Bình	26TBN5	4.3	6.0	Không Đạt	
174	23203410548	Võ Hồng	Thúy	28/03/1999	Đà Nẵng	26TBN7	4.0	5.5	Không Đạt	
175	2320344608	Lê Thị Thanh	Thủy	03/10/1999	Quảng Trị	26TSC3	6.3	5.0	Đạt	
176	23202211875	Phạm Thị Thanh	Thủy	10/02/1999	Hà Tĩnh	26THT3	5.7	5.0	Đạt	
177	2321314899	Trương Văn	Thuyết	17/09/1999	Đà Nẵng	26TBN7	0.0	0.0	Không Đạt	
178	23207110151	Phạm Nguyễn Quỳnh	Tiên	01/12/1999	Đà Nẵng	26THT7	6.7	6.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
179	2321729919	Lê Anh	Tiến	26/12/1999	Kon Tum	26TBN4	6.0	6.8	Đạt	
180	23212111835	Võ Đình	Tín	08/02/1995	Đà Nẵng	ITA.85A	3.0	5.0	Không Đạt	
181	2321713116	Lê Văn	Toàn	26/09/1999	Quảng Nam	26THT7	4.7	6.5	Không Đạt	
182	23216511238	Lê Hữu	Toán	10/06/1999	Quảng Trị	26TBN5	4.0	7.5	Không Đạt	
183	23202112912	Nguyễn Lê Thanh	Trà	15/08/1999	Quảng Nam	26CSC1	6.3	6.0	Đạt	
184	24205213839	Nguyễn Thị Thanh	Trà	30/04/2000	Phú Yên	26CYC2	6.7	9.4	Đạt	
185	2320713992	Bùi Thị Ngọc	Trâm	27/10/1999	Đà Nẵng	26TYC5	6.0	1.5	Không Đạt	
186	2320528995	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	03/11/1999	Gia Lai	26CYC2	8.7	9.4	Đạt	
187	2320213496	Trần Thị Xuân	Trâm	24/08/1999	Quảng Nam	ITA.88A	6.7	6.0	Đạt	
188	24203415406	Lê Thị Minh	Trang	25/10/2000	Đà Nẵng	26TBN5	8.3	8.0	Đạt	
189	2320329759	Lê Thị Thu	Trang	20/11/1999	Đà Nẵng	26CHT3	4.0	5.0	Không Đạt	
190	23203410610	Nguyễn Thị Thùy	Trang	24/09/1999	Quảng Nam	26CYC2	5.3	7.5	Đạt	
191	23207112387	Nguyễn Thị Thùy	Trang	13/02/1999	Quảng Nam	26SYC1	5.0	6.9	Đạt	
192	1920524440	Vĩnh Bảo Huyền	Trang	10/03/1995	Đà Nẵng	26THT6	5.7	3.0	Không Đạt	
193	2327521213	Nguyễn Thành	Trí	21/05/1996	Đà Nẵng	26CHT3	5.3	7.0	Đạt	
194	23216511648	Trần Văn	Trí	14/02/1994	TT Huế	26TBN5	6.7	8.5	Đạt	
195	2320523889	Đinh Thị	Trình	01/01/1999	Quảng Nam	26TBN6	8.0	9.0	Đạt	
196	2320719777	Nguyễn Thị Kiều	Trình	24/08/1999	DakLak	26THT6	7.0	5.5	Đạt	
197	2321216120	Hồ Hữu	Tuấn	16/08/1999	Đà Nẵng	26CYC2	7.3	8.0	Đạt	
198	2221717119	Trần Hoàng	Tuấn	19/08/1998	Quảng Bình	26TBN5	3.3	4.0	Không Đạt	
199	2321216084	Thái Ngọc	Tường	11/11/1999	Quảng Nam	26CYC2	5.0	7.5	Đạt	
200	2320716937	Bùi Thị Thanh	Tuyền	03/04/1999	Đà Nẵng	26THT7	3.3	5.5	Không Đạt	
201	24202406765	Hồ Thanh	Tuyền	30/10/2000	Gia Lai	26TBN5	5.7	8.9	Đạt	
202	23207111092	Huỳnh Nhật Thảo	Uyên	16/04/1999	Đà Nẵng	26THT7	5.3	5.5	Đạt	
203	24207107777	Trần Thị Thảo	Uyên	24/04/2000	Đà Nẵng	26TBN7	8.0	5.5	Đạt	
204	24205216276	Trương Thục	Uyên	02/06/2000	Đà Nẵng	26CYC2	9.0	9.9	Đạt	
205	23205210173	Đặng Thị Cẩm	Vân	14/07/1999	Đà Nẵng	26THT7	8.0	8.9	Đạt	
206	24205215844	Lê Hồng	Vân	25/02/2000	Bình Định	26CYC2	6.7	9.9	Đạt	
207	2320710735	Nguyễn Thị Thu	Vân	28/01/1999	TT Huế	26THT7	6.7	8.9	Đạt	
208	24202506901	Đặng Thị Anh	Văn	20/02/2000	Nghệ An	26TBN5	8.7	9.4	Đạt	
209	24217214574	Đỗ Khải	Văn	25/04/2000	Đà Nẵng	26TBN5	6.7	8.5	Đạt	
210	2326521221	Đinh Thị Hằng	Vi	06/06/1994	Đà Nẵng	26CSC1	6.7	6.0	Đạt	
211	24203114636	Dương Thị	Vi	04/11/2000	Đăk Lăk	26THT7	3.0	5.3	Không Đạt	
212	24265203061	Hồ Thị	Vi	12/08/1994	Quảng Nam	26CHT1	7.7	7.0	Đạt	
213	24207116367	Lê Tường	Vi	19/07/2000	Đà Nẵng	26TBN6	6.7	4.5	Không Đạt	
214	2321519388	Trương Quang	Vinh	06/05/1999	Quảng Ngãi	26TBN6	5.0	5.0	Đạt	
215	2321711679	Lê Đức	Vũ	15/04/1999	Quảng Nam	26TBN4	3.7	5.3	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
216	24205105617	Lê Kim Vy	25/03/2000	Bình Dương	26THT7	6.0	8.0	Đạt	
217	2320523897	Phan Ý Vy	29/11/1999	Quy Nhơn	26TBN6	5.7	7.5	Đạt	
218	2320712895	Trịnh Thảo Vy	08/11/1999	Quảng Nam	26THT5	6.0	4.5	Không Đạt	
219	24207206467	Nguyễn Hồng Vỹ	16/12/2000	Đà Nẵng	26TBN7	7.3	7.0	Đạt	
220	24203106466	Nguyễn Thị Hải Yến	07/08/2000	Đà Nẵng	26TBN7	6.7	5.5	Đạt	
221	2320210982	Văn Trần Ngọc Yến	28/09/1999	TT Huế	26CYC2	5.3	6.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
(Đã ký)
Trương Minh Trí